



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN SỐ 1**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 35
8. Phụ lục	36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản số 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 6 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 38.500.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 08 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là SJ1.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84 – 8) 3974 1135

Fax : (84 – 8) 3974 1280

E-mail : sj1@seajocovietnam.com.vn

Mã số thuế : 0302047389

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu kỳ này gia tăng đáng kể so với kỳ trước là do sản lượng bán tăng. Tuy nhiên, do giá mua nguyên liệu tăng làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm so với kỳ trước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 16 tháng 4 năm 2013 như sau:

Trích lập các quỹ	2.467.364.004
Chia cổ tức	3.850.000.000
Cộng	6.317.364.004

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	01 tháng 7 năm 2011	-
Ông Ngô Đức Dũng	Phó Chủ tịch	07 tháng 5 năm 2010	-
Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	07 tháng 5 năm 2010	-
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên	24 tháng 10 năm 2011	-
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Từ Thanh Phụng	Trưởng ban	28 tháng 4 năm 2012	-
Bà Vũ Thị Minh Huệ	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-
Bà Lại Thị Giáo	Thành viên	28 tháng 4 năm 2012	-

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Đức Dũng	01 tháng 9 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản số 1 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Văn Hậu
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0694/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần thủy sản số 1 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 19 tháng 7 năm 2013, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

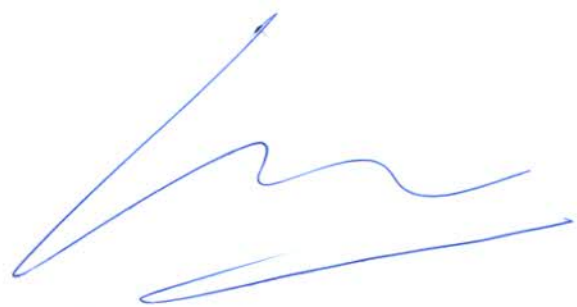
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C**



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.783.965.175	107.736.493.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.195.836.661	1.098.463.081
1. Tiền	111		1.195.836.661	1.098.463.081
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	14.000.000.000	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.318.198.234	44.767.319.338
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	40.371.944.651	39.486.718.077
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.557.543.984	4.987.507.128
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	388.709.599	293.094.133
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		55.301.912.482	49.521.929.043
1. Hàng tồn kho	141	V.6	55.301.912.482	49.521.929.043
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.968.017.798	5.348.781.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	486.727.225	380.979.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.435.676.813	4.702.978.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	212.531.760	264.823.740
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	833.082.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.714.733.610	82.476.345.621
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		278.770.000	368.601.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	278.770.000	368.601.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.859.295.748	79.466.875.109
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	62.215.782.873	62.247.423.942
<i>Nguyên giá</i>	222		85.314.923.365	84.004.298.742
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.099.140.492)	(21.756.874.800)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	14.396.328.671	14.561.924.254
<i>Nguyên giá</i>	228		15.178.574.495	15.188.574.495
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(782.245.824)	(626.650.241)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	8.247.184.204	2.657.526.913
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		225.500.000	225.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	225.500.000	225.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.351.167.862	2.415.369.512
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.351.167.862	2.415.369.512
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		211.498.698.785	190.212.838.752

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		116.371.208.264	92.326.464.115
I. Nợ ngắn hạn	310		116.371.208.264	92.326.464.115
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	84.253.635.094	65.948.447.004
2. Phải trả người bán	312	V.17	13.689.736.773	6.925.606.907
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	954.894.525	591.837.958
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	969.631.276	1.917.771.032
5. Phải trả người lao động	315	V.20	2.933.476.737	6.432.303.488
6. Chi phí phải trả	316	V.21	4.614.873.098	4.311.873.098
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	8.292.932.013	4.259.590.273
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	662.028.748	1.939.034.355
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.127.490.521	97.886.374.637
I. Vốn chủ sở hữu	410		95.127.490.521	97.886.374.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	38.500.000.000	38.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	26.076.197.233	26.076.197.233
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	11.165.626.926	10.578.159.306
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	4.264.291.244	3.676.823.624
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	15.121.375.118	19.055.194.474
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		211.498.698.785	190.212.838.752

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.977,30	22.256,84
Euro (EUR)		274,95	279,50
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng



Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.672.896.904	138.104.442.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	452.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	170.220.896.904	138.104.442.426
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154.814.172.328	120.912.671.609
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.406.724.576	17.191.770.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	521.589.513	696.748.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.462.582.266	1.259.110.774
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.217.846.838	1.003.455.139
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.846.322.223	4.296.370.654
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.086.819.243	6.812.768.882
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.532.590.357	5.520.268.854
11. Thu nhập khác	31	VI.7	755.547.187	2.300.630.491
12. Chi phí khác	32		1.250	49.830.124
13. Lợi nhuận khác	40		755.545.937	2.250.800.367
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.288.136.294	7.771.069.221
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	904.591.646	1.942.767.305
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.383.544.648</u>	<u>5.828.301.916</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>619</u>	<u>1.514</u>



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.288.136.294	7.771.069.221
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	2.811.432.363	2.545.202.799
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(422.946.417)	(1.042.172.936)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.217.846.838	1.003.455.139
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.894.469.078	10.277.554.223
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.996.443.076)	(17.222.569.651)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.779.983.439)	(13.762.505.188)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.239.709.820	(4.343.454.858)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		234.657.331	(2.702.942.875)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.217.846.838)	(1.003.455.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(1.994.057.416)	(314.590.333)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.23	(2.569.434.371)	(627.171.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.188.928.911)	(29.699.135.574)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.13, VII	(7.407.832.016)	(4.338.573.226)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.031.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3, VI.3	388.946.417	60.730.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.018.885.599)	(10.246.570.166)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	193.893.497.665	105.589.380.150
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(175.588.309.575)	(68.900.640.180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.305.188.090	36.688.739.970
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		97.373.580	(3.256.965.770)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.098.463.081	6.297.949.408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.195.836.661	3.040.983.638



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2013

Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Bán buôn tổng hợp; Lắp đặt hệ thống điện; Chế biến và bảo quản rau quả; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 780 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 802 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu kỳ này gia tăng đáng kể so với kỳ trước là do sản lượng bán tăng. Tuy nhiên, do giá mua nguyên liệu tăng làm cho lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm so với kỳ trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (44 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 08 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÙY SÀN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phân xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.810 VND/USD
30/6/2013 : 21.083 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	186.766.739	215.947.905
Tiền gửi ngân hàng	1.009.069.922	882.515.176
Cộng	<u>1.195.836.661</u>	<u>1.098.463.081</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Shokuryu Co., Ltd	6.033.402.498	2.579.560.153
Công ty TNHH Lotteria Việt Nam	1.887.814.280	3.089.625.880
Công ty TNHH Hùng Cá	282.170.790	328.154.300
Các khách hàng khác	32.168.557.083	33.489.377.744
Cộng	<u>40.371.944.651</u>	<u>39.486.718.077</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	4.000.000.000	-
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ chế biến xuất khẩu Thủy Sản	143.916.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật cơ điện M & E	84.099.000	1.042.110.900
Công ty cổ phần công nghệ Hùng Hậu	48.729.000	38.907.000
Công ty TNHH Hùng Cá	-	1.392.957.678

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây dựng thương mại Anh Quân	-	1.220.484.000
Công ty cổ phần Chao	-	494.421.650
Công ty TNHH tư vấn và thương mại E.M.S	-	88.000.000
Đội thi công công trình	-	364.000.000
Các nhà cung cấp khác	280.799.984	346.625.900
Cộng	<u>4.557.543.984</u>	<u>4.987.507.128</u>
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	264.000.000	230.000.000
Phải thu khác	124.709.599	63.094.133
Cộng	<u>388.709.599</u>	<u>293.094.133</u>
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	36.875.091.213	22.263.355.400
Công cụ, dụng cụ	1.441.836.421	1.523.368.623
Thành phẩm	5.325.517.064	11.449.448.755
Hàng hóa	10.190.441.657	14.285.756.265
Hàng gửi bán	1.469.026.127	-
Cộng	<u>55.301.912.482</u>	<u>49.521.929.043</u>
<p>Thành phẩm và nguyên vật liệu tồn kho với giá trị ghi sổ không thấp hơn 2.000.000 USD đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội.</p>		
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	184.454.597	192.797.833
Tiền thuê đất	15.361.714	-
Chi phí khác	286.910.914	188.181.393
Cộng	<u>486.727.225</u>	<u>380.979.226</u>
8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu được hoàn	-	52.291.980
Tiền thuê đất nộp thừa	212.531.760	212.531.760
Cộng	<u>212.531.760</u>	<u>264.823.740</u>
9. Tài sản ngắn hạn khác		
Nhân viên tạm ứng.		
10. Các khoản phải thu dài hạn khác		
Khoản cho nhân viên mượn để mua cổ phần.		



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.491.287.914	31.922.956.535	4.946.359.912	1.643.694.381	84.004.298.742
Mua sắm mới	-	893.570.895	-	116.994.182	1.010.565.077
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.549.112.314	1.117.122.000	-	213.600.000	2.879.834.314
Thanh lý, nhượng bán	(135.893.598)	-	-	-	(135.893.598)
Chuyển công cụ, dụng cụ	(111.991.971)	(1.760.099.944)	(42.009.000)	(529.780.255)	(2.443.881.170)
Số cuối kỳ	46.792.514.659	32.173.549.486	4.904.350.912	1.444.508.308	85.314.923.365
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.397.928.217	2.610.117.818	2.796.932.200	47.665.500	9.852.643.735
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.509.105.024	9.533.455.083	4.176.019.162	538.295.531	21.756.874.800
Khấu hao trong kỳ	694.833.644	1.610.918.944	169.147.854	178.043.097	2.652.943.539
Thanh lý, nhượng bán	(135.893.598)	-	-	-	(135.893.598)
Chuyển công cụ, dụng cụ	(87.379.843)	(778.376.663)	(10.951.286)	(298.076.457)	(1.174.784.249)
Số cuối kỳ	7.980.665.227	10.365.997.364	4.334.215.730	418.262.171	23.099.140.492
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.982.182.890	22.389.501.452	770.340.750	1.105.398.850	62.247.423.942
Số cuối kỳ	38.811.849.432	21.807.552.122	570.135.182	1.026.246.137	62.215.782.873
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 64.466.739.897 VND và 53.484.282.817 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.147.774.495	40.800.000	15.188.574.495
Kết chuyển khác	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Số cuối kỳ	15.147.774.495	30.800.000	15.178.574.495
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	621.829.930	4.820.311	626.650.241
Khấu hao trong kỳ	155.563.824	2.925.000	158.488.824
Kết chuyển khác	-	(2.893.241)	(2.893.241)
Số cuối kỳ	777.393.754	4.852.070	782.245.824

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.525.944.565	35.979.689	14.561.924.254
Số cuối kỳ	14.370.380.741	25.947.930	14.396.328.671
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.689.616.495 VND và 12.912.222.741 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	126.150.000	331.774.095	(457.924.095)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza (*)	1.878.034.091	-	-	-	1.878.034.091
- Xây dựng nhà văn phòng tại 1004A Âu Cơ	322.653.963	3.276.884.396	(2.879.834.314)	(306.362.850)	413.341.195
- Xây dựng nhà văn phòng tại 536 Âu Cơ	330.688.859	5.625.120.059	-	-	5.955.808.918
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	63.700.000	-	(63.700.000)	-
Cộng	2.657.526.913	9.297.478.550	(3.337.758.409)	(370.062.850)	8.247.184.204

(*) Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza bắt đầu từ năm 2008, hiện tại Công ty đang tạm ngừng đầu tư vào dự án này và đang xem xét để thay đổi công năng của dự án phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay.

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thủy sản Năm Căn	15.952	159.520.000	15.952	159.520.000
Công ty cổ phần bao bì thủy sản	6.598	65.980.000	6.598	65.980.000
Cộng		225.500.000		225.500.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
			<u>chi phí trong kỳ</u>	
Chi phí sửa chữa	2.415.369.512	347.542.850	(684.185.360)	2.078.727.002
Công cụ, dụng cụ	-	1.272.440.860	-	1.272.440.860
Cộng	2.415.369.512	1.619.983.710	(684.185.360)	3.351.167.862

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	51.377.380.864	43.472.208.409
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội ^(b)	32.876.254.230	22.476.238.595
Cộng	84.253.635.094	65.948.447.004

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.11) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).

^(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 01 năm (xem thuyết minh số V.2) và thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	65.948.447.004
Số tiền vay phát sinh	193.893.497.665
Số tiền vay đã trả	(175.588.309.575)
Số cuối kỳ	84.253.635.094

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc	463.358.643	912.126.400
Công ty TNHH thương mại Đồng Gò	2.453.387.170	867.210.120
Công ty TNHH Hùng Cá	2.083.474.570	-
Công ty TNHH thủy sản Tài Nguyên	1.837.500.000	-
Công ty TNHH Khánh Sùng	366.531.480	637.709.833
Doanh nghiệp tư nhân Hải Đạt	-	499.159.710
Các nhà cung cấp khác	6.485.484.910	4.009.400.844
Cộng	13.689.736.773	6.925.606.907

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Shinhoh International	453.461.745	-
Gulfwest Co., Ltd	334.662.480	-
Đội thi công công trình	-	496.000.000
Các khách hàng khác	166.770.300	95.837.958
Cộng	954.894.525	591.837.958

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu ^(*)	(52.291.980)	52.291.980	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.911.499.844	904.591.646	(1.994.057.416)	822.034.074

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập cá nhân	6.271.188	848.421.429	(707.095.415)	147.597.202
Tiền thuê đất (*)	(212.531.760)	17.922.000	(17.922.000)	(212.531.760)
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	<u>1.652.947.292</u>	<u>1.828.227.055</u>	<u>(2.724.074.831)</u>	<u>757.099.516</u>

(*) Tiền thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các mặt hàng xuất khẩu	0%
- Các mặt hàng đã qua sơ chế	05%
- Các mặt hàng đã qua chế biến và các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.288.136.294	7.771.069.221
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	3.288.136.294	7.771.069.221
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	822.034.074	1.942.767.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu từ các năm trước	82.557.572	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>904.591.646</u>	<u>1.942.767.305</u>

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 412 m² đất đang sử dụng với mức 43.500 VND/m²/năm và lô đất diện tích 1.849,2 m² đang sử dụng với mức 259.200 VND/m²/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Phải trả người lao động

Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

21. Chi phí phải trả

Công ty tạm trích trước tiền thuê đất tại số 1004A Âu Cơ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh theo đơn giá 50.500.000 VND/ tháng do chưa có hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên môi trường TP. Hồ Chí Minh.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	251.820.542	171.862.042
Bảo hiểm xã hội	173.771.471	70.388.231
Cổ tức phải trả	3.867.340.000	17.340.000
Thu góp vốn hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>8.292.932.013</u>	<u>4.259.590.273</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.939.034.355
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.292.428.764
Chi quỹ	<u>(2.569.434.371)</u>
Số cuối kỳ	<u>662.028.748</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 36.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.850.000	3.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.850.000	3.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.850.000	3.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.850.000	3.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.850.000	3.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	170.672.896.904	138.104.442.426
- Doanh thu bán thành phẩm	169.789.754.629	135.512.489.603
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.944.485.818
- Doanh thu khác	883.142.275	647.467.005
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(452.000.000)	-
- Hàng bán bị trả lại	(452.000.000)	-
Doanh thu thuần	170.220.896.904	138.104.442.426
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	169.337.754.629	135.512.489.603
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	1.944.485.818
- Doanh thu thuần khác	883.142.275	647.467.005

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	113.323.691.892	68.024.716.640
Chi phí nhân công trực tiếp	17.364.916.313	17.266.504.036
Chi phí sản xuất chung	15.375.343.951	16.996.277.259
Tổng chi phí sản xuất	146.063.952.156	102.287.497.935
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	146.063.952.156	102.287.497.935
Chênh lệch tồn kho	8.750.220.172	18.625.173.674
Cộng	154.814.172.328	120.912.671.609

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	416.348.417	50.833.333
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.486.559	26.425.444
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.598.000	9.897.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.684.513	609.592.570
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.472.024	-
Cộng	521.589.513	696.748.347

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.217.846.838	1.003.455.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	244.735.428	176.528.932
Chi phí khác	-	79.126.703
Cộng	2.462.582.266	1.259.110.774

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.048.119.769	1.418.692.994
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	132.739.825	5.805.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	70.886.406	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.510.798.435	1.490.369.105
Chi phí khác	1.083.777.788	1.381.502.835
Cộng	5.846.322.223	4.296.370.654

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.433.389.202	3.636.257.992
Chi phí đồ dùng văn phòng	203.833.091	96.595.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.674.403	415.725.445
Thuế, phí và lệ phí	297.384.180	279.687.603
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	690.797.963	107.192.455
Chi phí khác	1.186.740.404	2.277.309.666
Cộng	5.086.819.243	6.812.768.882

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.031.272.727
Thu nhập khác	755.547.187	1.269.357.764
Cộng	755.547.187	2.300.630.491

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.383.544.648	5.828.301.916
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.383.544.648	5.828.301.916
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.850.000	3.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	619	1.514

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	114.899.069.332	70.213.734.546
Chi phí nhân công	27.277.968.426	25.009.080.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.811.432.363	2.545.202.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.438.207.379	7.437.033.976
Chi phí khác	4.570.416.122	8.191.585.170
Cộng	156.997.093.622	113.396.637.471

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	166.071.239	1.149.753.623
Trả trước cho người bán tiền mua tài sản cố định	237.808.000	3.293.715.050

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HDKT-2008 ngày 06 tháng 6 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khu phức hợp SJ1 Plaza – Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp tại số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Công ty cam kết sẽ góp 23% tương đương 22.540.000.000 VND trong tổng vốn góp ban đầu của dự án là 98.000.000.000 VND. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải thu tiền tạm ứng các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền 500.000.000 VND (Số đầu năm là 0 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm tiền lương với số tiền 1.424.954.211 VND (6 tháng đầu năm trước là 1.414.324.272 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Hùng Cá	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Phó Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Hùng Cá
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu	Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần thủy sản số 1 là Chủ tịch HĐQT của Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hùng Cá		
Bán hàng	1.508.460.855	237.763.260
Mua hàng	31.192.086.352	25.474.629.402
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu		
Thuê mặt bằng, thuê kho	346.559.244	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	4.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hùng Cá		
Phải thu tiền hàng	282.170.790	328.154.300
Trả trước tiền hàng	-	1.392.957.678
Công ty cổ phần phát triển Hùng Hậu		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	346.559.244	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	4.000.000.000	-
Cộng nợ phải thu	4.628.730.034	1.721.111.978
Công ty TNHH Hùng Cá		
Phải trả tiền hàng	2.083.474.570	-
Cộng nợ phải trả	2.083.474.570	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	115.841.933.121	112.003.918.729
Trong nước	54.378.963.783	26.100.523.697
Cộng	170.220.896.904	138.104.442.426

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	497.234.640	483.226.640
Trên 01 năm đến 05 năm	1.988.938.560	1.932.906.560
Trên 05 năm	18.484.009.381	18.338.013.868
Cộng	<u>20.970.182.581</u>	<u>20.754.147.068</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2000 đến năm 2056 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng tiền trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	84.253.635.094	-	-	84.253.635.094
Phải trả cho người bán	13.689.736.773	-	-	13.689.736.773
Các khoản phải trả khác	12.482.213.098	-	-	12.482.213.098
Cộng	110.425.584.965	-	-	110.425.584.965
Số đầu năm				
Vay và nợ	65.948.447.004	-	-	65.948.447.004
Phải trả cho người bán	6.925.606.907	-	-	6.925.606.907
Các khoản phải trả khác	8.329.213.098	-	-	8.329.213.098
Cộng	81.203.267.009	-	-	81.203.267.009

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.977,30	274,95	22.256,84	279,50
Phải thu khách hàng	795.435,91	-	648.477,00	-
Vay và nợ	(3.037.041,79)	-	(3.169.057,69)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.237.628,58)	274,95	(2.498.323,85)	279,50

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 707.638.850 VND (năm trước giảm/tăng 545.896.253 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Vay và nợ	(20.700.000.000)	(3.037.041,79)	-	(3.169.057,69)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(6.700.000.000)	(3.037.041,79)	7.000.000.000	(3.169.057,69)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 14.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.000.000.000 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.195.836.661	-	1.098.463.081	-	1.195.836.661	1.098.463.081
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.000.000.000	-	7.000.000.000	-	14.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	40.371.944.651	-	39.486.718.077	-	40.371.944.651	39.486.718.077
Các khoản phải thu khác	667.479.599	-	293.094.133	-	667.479.599	293.094.133
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	225.500.000	-	225.500.000	-	225.500.000	225.500.000
Cộng	56.460.760.911	-	48.103.775.291	-	56.460.760.911	48.103.775.291

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	84.253.635.094	65.948.447.004	84.253.635.094	65.948.447.004
Phải trả người bán	13.689.736.773	6.925.606.907	13.689.736.773	6.925.606.907
Các khoản phải trả khác	12.482.213.098	8.329.213.098	12.482.213.098	8.329.213.098
Cộng	110.425.584.965	81.203.267.009	110.425.584.965	81.203.267.009

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng



Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	26.076.197.233	10.002.817.550	3.101.481.868	17.302.414.154	91.482.910.805
Tăng vốn từ lợi nhuận	3.500.000.000	-	-	-	(3.500.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.749.352.398	11.749.352.398
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	575.341.756	575.341.756	(2.646.572.078)	(1.495.888.566)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(3.850.000.000)	(3.850.000.000)
Số dư cuối năm trước	38.500.000.000	26.076.197.233	10.578.159.306	3.676.823.624	19.055.194.474	97.886.374.637
Số dư đầu năm nay	38.500.000.000	26.076.197.233	10.578.159.306	3.676.823.624	19.055.194.474	97.886.374.637
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.383.544.648	2.383.544.648
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	587.467.620	587.467.620	(2.467.364.004)	(1.292.428.764)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(3.850.000.000)	(3.850.000.000)
Số dư cuối kỳ	38.500.000.000	26.076.197.233	11.165.626.926	4.264.291.244	15.121.375.118	95.127.490.521

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2013


Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng


Ngô Đức Dũng
Tổng Giám đốc